TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **424**/2019/KDTM-PT
Ngày: 15-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Ngọc Anh**

Các Thẩm phán: **Bà Trương Thị Thảo**

Ông Ngô Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long – Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 19 tháng 4; ngày 09 tháng 5 và ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 93/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1208/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH S**

Địa chỉ: 235/50/7/25 đường T, Phường T1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 989/20 đường Tỉnh lộ 43, Phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Trần Thủy T, sinh năm 1973

Địa chỉ liên lạc: số 989/20 đường Tỉnh lộ 43, Phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Dương Ngô H – Luật sư Văn phòng Luật sư HTL, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 26/9 đường số 12, Khu phố 4, phường A, quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt)*

Bị đơn: **Công ty TNHH N**

Địa chỉ: 49B đường số 36, khu phố 8, phường L, quận L1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 07-11-2018, gồm:

- Ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1972

Địa chỉ: 1/9A đường số 45, khu phố 2, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

- Bà Đặng Phan Thủy T, sinh năm 1995

Địa chỉ: số 10 đường số 8, khu phố 2, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

I- Tóm tắt nội dung vụ án theo bản án sơ thẩm:

1)Nguyên đơn trình bày:

- Ngày 01-4-2017, Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) đã ký hợp đồng nguyên tắc số 01/04/2017 HĐNT với nội dung:

Công ty S bán sơn gỗ do Công ty S sản xuất cho Công ty N; Khối lượng hàng theo thực tế; Phương thức thanh toán: từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng hai bên sẽ đối chiếu và xác nhận công nợ của tháng trước và vào ngày 10 hàng tháng Công ty N thanh toán 100% công nợ phát sinh của tháng trước đó.

- Qúa trình thực hiện hợp đồng nguyên tắc số 01/04/2017 HĐNT ngày 01-4-2017, Công ty S đã bán cho Công ty N hàng hóa theo chất lượng như hai bên đã thống nhất. Giá trị hàng đã bán là 338.866.000 đồng theo các hóa đơn giá trị gia tăng sau:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000250 ngày 07/4/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000309 ngày 21/4/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000316 ngày 24/4/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000348 ngày 03/5/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000379 ngày 08/5/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000616 ngày 27/6/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000639 ngày 30/6/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000719 ngày 15/7/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000740 ngày 21/7/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000808 ngày 09/8/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000879 ngày 26/8/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000932 ngày 13/9/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000955 ngày 20/9/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000978 ngày 26/9/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000021 ngày 05/10/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000053 ngày 12/10/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000113 ngày 26/10/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000159 ngày 06/11/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000239 ngày 21/11/2017;

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000251 ngày 23/11/2017;

Khi giao hàng Công ty N không có khiếu nại về chất lượng hàng hóa. Nhưng khi Công ty S yêu cầu thanh toán thì Công ty N có phản hồi là hàng hóa bị hư hỏng do chất lượng sơn không đạt yêu cầu nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Công ty S đã giao hàng đạt chất lượng như hai bên đã thỏa thuận, hàng hóa của Công ty N bị hư hỏng là do công nhân của Công ty N thực hiện sơn không đúng kỹ thuật, không phải do chất lượng sơn. Do đó, Công ty S không đồng ý với ý kiến của Công ty N cho rằng sơn của Công ty S không đạt chất lượng.

- Thực hiện hợp đồng nguyên tắc, Công ty N đã thanh toán 252.576.500 đồng như sau:

Ngày 18/4/2017, thanh toán 59.812.500 đồng.

Ngày 26/5/2017, thanh toán 37.829.000 đồng.

Ngày 26/6/2017, thanh toán 35.310.000 đồng.

Ngày 21/8/2017, thanh toán 49.307.500 đồng.

Ngày 25/10/2017, thanh toán 70.317.500 đồng.

Còn nợ 86.289.500 đồng

Công ty S yêu cầu Công ty N thanh toán cho Công ty S số tiền gốc là 86.289.500 đồng tương ứng với các hóa đơn giá trị gia tăng sau:

- Hóa đơn số 0000021 ngày 05/10/2017;
- Hóa đơn số 0000053 ngày 12/10/2017;
- Hóa đơn số 0000113 ngày 26/10/2017;
- Hóa đơn số 0000159 ngày 06/11/2017;
- Hóa đơn số 0000239 ngày 21/11/2017;
- Hóa đơn số 0000251 ngày 23/11/2017.

Tại đơn khởi kiện ngày 27-6-2018, Công ty S yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền lãi là 6.040.265 đồng và tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi

suất 1%/tháng. Tuy nhiên, Công ty S thay đổi yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền lãi nữa.

2) Bị đơn trình bày:

- Công ty N xác nhận có ký hợp đồng nguyên tắc số 01/04/2017 HĐNT ngày 01-4-2017 về việc mua sơn gỗ của Công ty S. Số lượng hàng hóa, giá trị hợp đồng và các hóa đơn giá trị gia tăng Công ty N đã nhận từ Công ty S đúng như Công ty S đã trình bày.

Công ty N đã thanh toán cho Công ty S 252.576.500 đồng, số tiền nợ còn lại 86.289.500 đồng Công ty N chưa thanh toán vì những lý do sau:

+ Trong quá trình sử dụng sơn gỗ do Công ty S cung cấp xuất hiện nhiều vết bong tróc trên sản phẩm nội thất ở nhiều vị trí khác nhau như mặt bàn, chân bàn, cạnh bàn … Nguyên nhân là do mẫu sơn pha chế của Công ty S cung cấp không đảm bảo chất lượng theo cam kết giữa hai bên, chưa có giấy kiểm định chất lượng sản phẩm. Do đó, Công ty N phải bồi thường các sản phẩm sơn gỗ bị bong tróc do Công ty S gây ra cho các đối tác ở nước ngoài, cụ thể là Công ty HS Company INC (có trụ sở tại Mỹ) với tổng giá trị thiệt hại tạm tính 43.129USD, tương đương 991.129.000 đồng.

+ Công ty N đã nhiều lần yêu cầu Công ty S kiểm tra sơn gỗ và khắc phục thiệt hại do lỗi sơn gây ra nhưng Công ty S vẫn khẳng định nguồn hàng do Công ty S tự pha chế và bán cho Công ty N là đảm bảo chất lượng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc pha chế sơn của Công ty S đã được kiểm định chất lượng hàng hóa, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đúng chất lượng như đã cam kết khi giao cho Công ty N.

- Ngày 19-11-2018, Công ty N có đơn phản tố yêu cầu Công ty S bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho Công ty N với số tiền ước tính 991.129.000 đồng do chất lượng sơn gỗ của Công ty S không đạt chất lượng gây thiệt hại cho Công ty N. Công ty N không đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là do Công ty N không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án trong giai đoạn trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

II- Quyết định của Bản án sơ thẩm:

1- Buộc Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ của hợp đồng nguyên tắc số 01/04/2017 HĐNT ngày 01-4-2017 là 86.289.500 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH sản xuất – xuất nhập khẩu – thương mại N vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH sản xuất – xuất nhập khẩu – thương mại N còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thanh toán.

2- Không xem xét yêu cầu phản tố của Công ty TNHH sản xuất – xuất nhập khẩu – thương mại N yêu cầu Công ty S bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho Công ty N với số tiền 991.129.000 đồng. Công ty TNHH sản xuất – xuất nhập khẩu – thương mại N có quyền khởi kiện khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo; quyền và trách nhiệm thi hành án.

III- Kháng cáo:

Đơn kháng cáo đề ngày 14-12-2018 của Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng nghiêm trọng tại Khoản 12 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 175 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015. Cụ thể:

- Kể từ ngày có thông báo thụ lý vụ án là ngày 16-7-2017, bà Thái Thị Kim H là đại diện theo pháp luật của bị đơn chưa trực tiếp nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án. Đến ngày có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là ngày 26-10-2018 bà H mới biết và trực tiếp nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do đó, bà Thái Thị Kim H mới có đơn phản tố gửi đến Tòa án nhân dân quận Thủ Đức yêu cầu bù trừ nghĩa vụ với nguyên đơn tuy nhiên không được Tòa án xem xét chấp nhận, do đã quá thời hạn nộp đơn yêu cầu phản tố.

- Tại phiên tòa xét xử ngày 30-11-2018, bị đơn có đề nghị Hội đồng xét xử triệu tập 02 kỹ thuật viên là ông T và ông Nguyễn Văn H, người trực tiếp giải quyết vấn đề bong tróc sơn giữa hai Công ty vào vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án được khách quan, đúng quy định pháp luật. Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là chưa đảm bảo trình tự thủ tục giải quyết vụ án, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

- Công ty N và Công ty S chưa giải quyết dứt điểm vấn đề bồi thường thiệt hại do sản phẩm sơn lỗi gây ra mà phía Công ty S lại khởi kiện Công ty N tại Tòa án nhân dân quận Thủ Đức là trái quy định tại Điều 3 của hợp đồng nguyên tắc số 01/04/2017/HĐNT. Đồng thời, tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 30-11-2018 bị đơn có yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định mẫu sơn để làm rõ vấn đề chất lượng sơn và yếu tố lỗi để nhằm bù trừ nghĩa vụ thanh toán giữa hai bên công ty và yêu cầu Công ty S cung cấp quy trình pha chế sơn để chứng minh cho việc pha chế là đảm bảo sơn đúng chất lượng tuy nhiên Công ty S không cung cấp được. Việc Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn là chưa đảm bảo khách quan ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trong quá trình làm rõ sự thật vụ án.

IV- Tại phiên tòa phúc thẩm:

1) Bị đơn (người kháng cáo) trình bày:

1.1- Công ty TNHH sản xuất – xuất nhập khẩu – thương mại N xác nhận còn nợ Công ty TNHH S 86.289.500 đồng. Lý do Công ty N chưa thanh toán cho Công ty S vì chất lượng sơn giao không phù hợp thỏa thuận theo hợp đồng nguyên tắc nên khi giao sản phẩm sử dụng sơn cho khách hàng nước ngoài thì phát hiện tình trạng sơn bị bong tróc. Hiện nay hợp đồng chưa được các bên thanh lý.

Trước khi ký hợp đồng với nguyên đơn, bị đơn có tìm hiểu thông tin trên mạng và liên hệ với nguyên đơn để xem mẫu. Sau khi ký hợp nguyên tắc thì vào từng thời điểm đặt hàng bị đơn sẽ thông báo màu để nguyên đơn cung cấp. Bị đơn nhờ sự hỗ trợ toàn bộ của nguyên đơn về vấn đề kỹ thuật. Khi xuất hàng cho khách hàng nước ngoài thì bị đơn tin tưởng vào xác nhận hàng đạt chất lượng của cán bộ kỹ thuật.

Đến tháng 9-2017, khách hàng bên Mỹ bị đơn phát hiện 05 container sản phẩm bị bong tróc và thông báo cho bị đơn yêu cầu bồi thường. 05 container sản phẩm hiện nay đang để tại Mỹ không xuất trả về Việt Nam được vì theo qui định của chính phủ Mỹ thì phải tiêu hủy.

Tại cấp sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu giám định để làm rõ vấn đề chất lượng sơn và yếu tố lỗi nhằm bù trừ nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu nguyên đơn cung cấp qui trình pha chế sơn để chứng minh chất lượng sơn nhưng không được xem xét làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Hiện nay bị đơn đã sử dụng hết sơn mua của nguyên đơn, cũng không còn giữ mẫu sơn chỉ còn lưu giữ hai mẫu sản phẩm đã sử dụng sơn của nguyên đơn là tủ để đầu giường.

1.2- Quá trình Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thụ lý vụ án, bà Thái Thị Kim H chỉ nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử là ngày 26-10-2018 . Do đó, bà Thái Thị Kim H mới có đơn phản tố gửi đến Tòa án nhân dân quận Thủ Đức yêu cầu bù trừ nghĩa vụ với nguyên đơn tuy nhiên không được Tòa án xem xét chấp nhận do đã quá thời hạn nộp đơn yêu cầu phản tố. Việc chậm nộp đơn phản tố không phải lỗi của bị đơn mà do Tòa án đã không thực hiện thủ tục cấp , tống đạt văn bản thông báo theo qui định tại điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

1.3- Hai kỹ thuật viên là ông T và ông Nguyễn Văn H là người của nguyên đơn trực tiếp hướng dẫn, giám sát qui trình sơn tại Công ty N nhưng Tòa án không triệu tập để làm rõ nguyên nhân bong tróc sơn để xác định yếu tố lỗi.

Đề nghị cấp phúc thẩm hủy tòa bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

2) Nguyên đơn trình bày:

Trước khi ký hợp đồng, bị đơn đã xem mẫu sơn của nguyên đơn. Nguyên đơn cung cấp sơn cho bị đơn nhiều đợt và căn cứ yêu cầu để cung cáp màu sơn.

Khi giao hàng Công ty N không khiếu nại về chất lượng hàng hóa, khi Công ty S yêu cầu thanh toán thì Công ty N có phản hồi là hàng hóa bị hư hỏng do chất lượng sơn không đạt yêu cầu. Ngày 20-4-2018, hai bên có tổ chức họp để xác định lỗi sản phẩm bị bong tróc nhưng bị đơn không còn sơn để kiểm tra mà chỉ còn mẫu tủ. Lý do sản phẩm bị bong tróc phụ thuộc nhiều yếu tố không thể đổ lỗi cho chất lượng sơn. Sản phẩm của bị đơn xuất đi nước ngoài nguyên đơn không chịu trách nhiệm.

3) Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Bị đơn trình bày sơn không đạt chất lượng nhưng không cung cấp được mẫu sơn để giám định.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

V- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án trong giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng:

Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xét yêu cầu kháng cáo:

- Theo các tài liệu có trong vụ án thì Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng qui định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cho rằng Tòa án nhân dân quận Thủ Đức không thực hiệ việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng là không có cơ sở được chấp nhận.

Bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ qui định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 không xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Bị đơn yêu cầu triệu tập 02 kỹ thuật viên là ông T và ông Nguyễn Văn H với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết vì yêu cầu phản tố của bị đơn không được xem xét trong vụ án.

- Nguyên đơn đã cung cấp sơn theo mẫu đã chào và thỏa thuận giưa hai bên. Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

- Bị đơn yêu cầu giám định nhưng các mẫu thử và sơn không còn và đây là vụ án yêu cầu thanh toán công nợ nên không cần thiết phải trưng cầu giám định.

Như vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức là phù hợp qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Đơn kháng cáo của Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N nộp trong thời hạn qui định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] - Xem xét nội dung kháng cáo:

2.1 - Về thủ tục tống đạt:

Theo hồ sơ vụ án được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thụ lý ngày 16-7-2018 thể hiện:

Ngày 02-8-2018 Tòa án gửi văn bản đến Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xác minh thông tin và tình trạng hoạt động của Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N; kết quả xác minh là Công ty N đăng ký địa chỉ hoạt động tại 49B đường số 36, khu phố 8, phường L, quận L1, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa đăng ký giải thể.

Ngày 02-8-2018 Tòa án gửi Phiếu yêu cầu xác minh đến Ban chỉ huy Công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức xác minh tình trạng cư trú của bà Thái Thị Kim H là đại diện pháp luật của Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N; Kết quả xác minh là bà Thái Thị Kim H có hộ khẩu thường trú tại 224 Quốc lộ 13, KP2, phường H, quận H1, Thành phố Hồ Chí Minh và đang ở tại địa chỉ này.

Căn cứ kết quả xác minh trên, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ trong quá trình tiến hành tố tụng. Ngoài những lần Tòa án phải tiến hành thủ tục niêm yết khi không có người nhận thì ngày 24-9-2018, vào lúc 11 giờ, tại địa chỉ 224 Quốc lộ 13, KP2, phường H, quận H1, bà Phạm Thị H là mẹ ruột của bà Thái Thị Kim H đã nhận thay và cam kết giao lại cho bà H Thông báo và Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tiến hành lúc 14 giờ ngày 10-10-2018

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn trình bày không nhận được và không biết các văn bản tố tụng của Tòa án là không phù hợp thực tế khách quan nên kháng cáo của bị đơn về vi phạm thủ tục không có cơ sở được chấp nhận.

2.2 - Về thời hạn nộp Đơn phản tố:

Đơn phản tố đề ngày 19-11-2018 của Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N nộp sau khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét

xử đã ấn định phiên tòa tiến hành vào lúc 14 giờ 00 ngày 12-11-2018. Như vậy, thời gian nộp Đơn phản tố không phù hợp qui định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 nên không được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xem xét là có cơ sở.

2.3- Về số nợ 86.289.500 đồng đã được bị đơn xác nhận nên có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn là có căn cứ.

Theo bị đơn trình bày và được nguyên đơn xác nhận thì hai bên ký hợp đồng trên cơ sở các mẫu sơn đều do Công ty S pha chế sẵn và được test trên mẫu thẻ gỗ, giữa hai bên không ký thỏa thuận về các tiêu chuẩn cụ thể đối với chất lượng sơn. Công ty N trình bày sơn không đạt chất lượng nhưng không cung cấp được mẫu sơn để giám định lỗi bong tróc của sản phẩm nên không có cở cở để xem xét.

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] – Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên giữ nguyên mức án phí được xác định trong bản án sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;
Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, cụ thể như sau:

1.1- Buộc Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền còn nợ của hợp đồng nguyên tắc số 01/04/2017 HĐNT ngày 01-4-2017 là 86.289.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có qui định khác.

1.2- Không xem xét yêu cầu phản tố của Công ty TNHH sản xuất – xuất nhập khẩu - thương mại N yêu cầu Công ty TNHH S bồi thường thiệt hại ngoài

hợp đồng cho Công ty N số tiền là 991.129.000 đồng. Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N có quyền khởi kiện khi có yêu cầu, theo quy định của pháp luật.

2- Về án phí:

2.1- Án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N phải nộp án phí là 4.314.475 đồng.

- Công ty TNHH S được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 2.308.244 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0022202 ngày 16-7-2018 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Thủ Đức.

2.2- Án phí phúc thẩm:

- Công ty TNHH sản xuất - xuất nhập khẩu - thương mại N phải nộp án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0023247 ngày 21-12-2018 của Chi cục thi hành án Dân sự quận Thủ Đức.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Anh